

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV319 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD	<i>At</i>	6	6.5	2.5	4.1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153036	NGUYỄN XUÂN ẤT	DH13CD	<i>At</i>	6	8.2	5	8.1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153001	NGUYỄN VĂN BÁ	DH13CD	<i>At</i>	7	7	5	5.8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153002	KIM THANH BẠCH	DH13CD	<i>At</i>	6	7	8	7.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD	<i>At</i>	10	8.6	9	8.4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153043	PHAN NGỌC CAO	DH13CD	<i>At</i>	7	8.9	8	8.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138033	DƯƠNG MINH CƯỜNG	DH13TD	<i>At</i>	7	2.4	4.5	4.1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	09153043	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	DH09CD17	<i>At</i>	3	8.3	4	5.2		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD	<i>At</i>	6	7	5	5.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	09153003	ĐÀO KHẮC DIỄN	DH09CD17	<i>At</i>	3	0	4	2.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138001	HOÀNG VĂN DŨNG	DH13TD	<i>At</i>	10	2.1	5	4.6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153059	NGUYỄN QUỐC DŨNG	DH13CD	<i>At</i>	6	7	5	5.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	<i>At</i>	6	7.6	4	5.3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153068	MAI QUỐC ĐẠT	DH13CD	<i>At</i>	5	7.8	1	3.4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153004	TRƯƠNG NGUYỄN TIẾN ĐẠT	DH13CD	<i>At</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153167	TRƯƠNG PHÁT ĐẠT	DH12CD	<i>At</i>	6	7.3	7.5	7.3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153005	ĐẶNG HỮU ĐỆ	DH13CD	<i>At</i>	6	7.8	3	4.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13153076	LÊ KHÁI ĐỊNH	DH13CD	<i>At</i>	6	8.3	6	8.7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV319 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13138047	NGÔ VIỆT ĐÌNH	DH13TD	<i>gđ</i>		7	8.8	6.5	6.8	V (0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13153077	TRƯƠNG CÔNG ĐÌNH	DH13CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153078	TRƯƠNG CÔNG ĐÌNH	DH13CD	<i>ĐC</i>		6	8	4	5.4	V (0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13153007	PHẠM TIẾN ĐỨC	DH13CD	<i>ĐC</i>		6	2	3	3	V (0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138052	TÔ MINH ĐỨC	DH13TD	<i>ĐC</i>		6	2.5	5.5	4.7	V (0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153084	NGUYỄN TRÚC GIANG	DH13CD	<i>ĐC</i>		8	6.9	7.5	7.4	V (0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13153086	DƯƠNG MINH HẢO	DH13CD	<i>ĐC</i>		6	6.9	4	5.1	V (0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138074	KIỀU VIỆT HIỆP	DH13TD	<i>ĐC</i>		7	2.4	8	6.2	V (0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153168	PHẠM PHỤNG HIỆP	DH12CD	<i>ĐC</i>		3	7.2	4.5	5.2	V (0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138072	NGUYỄN TỰ HIỆU	DH13TD	<i>ĐC</i>		9	9	9.5	9.3	V (0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 02 Hiện diện: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Lê Tường

Kiên Văn Đức

Nguyễn Lê Tường

Nguyễn Lê Tường

Ng. Hùng Khoa

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (40%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13153104	HÀ LÝ GIA	HOÀNG	DH13CD	<i>gic</i>	6	83	2	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153108	BÀN THẾ	HỒNG	DH13CD	<i>Kong</i>	6	83	0.5	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138085	HOÀNG THANH	HÙNG	DH13TD	<i>h</i>	6	21	6	4.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153110	DOÃN ĐỨC	HUY	DH13CD	<i>Đức</i>	6	27	6.5	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153111	ĐỖ NGỌC QUỐC	HUY	DH13CD	<i>gim</i>	3	69	7	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153009	NGÔ THANH	HUY	DH13CD	<i>h</i>	7	7	7	7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138083	NGUYỄN ĐỨC	HUY	DH13TD	<i>h</i>	8	76	7.5	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153114	NGUYỄN HUỖNH QUANG	HUY	DH13CD	<i>huy</i>	5	24	4.5	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153115	NGUYỄN PHÚC	HUY	DH13CD	<i>Ph</i>	6	76	7.5	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153120	TRƯƠNG NGỌC	HÙNG	DH13CD	<i>Hùng</i>	8	87	8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153122	MAI ĐỨC	HỮU	DH13CD	<i>Đ</i>	6	75	3	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138093	BÙI ĐỨC	KHÁ	DH13TD	<i>khá</i>	6	76	8.5	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153124	NGUYỄN TRỌNG	KHANG	DH13CD	<i>tr</i>	5	24	1.5	2.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153125	NGUYỄN MINH	KHANH	DH13CD	<i>Minh</i>	6	24	4	3.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153177	TRẦN QUỐC	KHANH	DH12CD						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153128	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	DH13CD	<i>Khoa</i>	6	9	8	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153129	NGUYỄN ĐỊNH ĐĂNG	KHOA	DH13CD	<i>Khoa</i>	6	93	9	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	09153053	PHÙNG ĐĂNG	KHOA	DH09CD17						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13153010	NGUYỄN ANH	KHÔI	DH13CD	<i>Khôi</i>	7	24	7.5	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13153132	NGUYỄN ĐUY	KHƯƠNG	DH13CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153136	NGUYỄN NHẬT	KING	DH13CD	<i>Đuy</i>	6	84	7	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13153142	NGUYỄN VĂN	LÂM	DH13CD	<i>Đuy</i>	6	72	2	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13153144	TRƯƠNG VĂN	LÊ	DH13CD	<i>Đuy</i>	6	8	9.5	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13153012	NGUYỄN HỮU	LỘC	DH13CD	<i>Đuy</i>	8	9.6	6	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13153146	TRẦN TẤN	LỢI	DH13CD	<i>Đuy</i>	7	8	2.5	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13153147	VÕ THÀNH	LUÂN	DH13CD	<i>Đuy</i>	6	73	4	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153014	TRỊNH ĐÌNH	MINH	DH13CD	<i>Đuy</i>	5	2	1	1.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11153027	BÙI CÔNG	NAM	DH11CD	<i>Đuy</i>	8	6.3	3	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153152	ĐẶNG HOÀNG	NAM	DH13CD	<i>Đuy</i>	5	6.3	2.5	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153008	LÊ TRỌNG	NGHĨA	DH12CD	<i>Đuy</i>	8	6.6	5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13138011	TRẦN NHẬT	NGHĨA	DH13TD	<i>Đuy</i>	7	73	4	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12138123	NGUYỄN TẤN	NGHIÊM	DH12TD	<i>Đuy</i>	7	6.6	2	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12138044	PHẠM PHÚC	NHA	DH12TD	<i>Đuy</i>	7	7	1.5	3.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12153087	HỒ VĂN	NHÂN	DH12CD	<i>Đuy</i>	9	2.5	5.5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13153164	LƯU NGỌC	NHÂN	DH13CD	<i>Đuy</i>	9	2.4	6	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153165	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	DH13CD	<i>Đuy</i>	6	8.7	7	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (30%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13153166	PHAN THÀNH NHÂN	DH13CD	<i>Thân</i>		7	6.8	3	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13138141	NGUYỄN HUỲNH	DH13TD	<i>Ph</i>		8	2.5	3.5	3.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13153173	NGUYỄN VĂN PHONG	DH13CD	<i>Phong</i>		6	8	4	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12153093	HỒ VĨNH PHU	DH12CD	<i>Vũ</i>		8	6.8	2.5	4.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13153181	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	DH13CD	<i>Phuong</i>		8	2.4	3.5	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13153186	TRẦN MINH QUANG	DH13CD	<i>Quang</i>		7	6.6	0.5	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13138166	NGÔ NGUYỄN MINH QUÂN	DH13TD	<i>Qu</i>		6	2.5	5.5	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12138127	PHAN THANH QUÍ	DH12TD	<i>Qu</i>		8	2.4	2.5	3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13153191	LÊ TRỌNG QUỐC	DH13CD	<i>Quoc</i>		8	2.4	4	3.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD	<i>Phu</i>		9	0	6	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13153196	THÂN VĂN QUYẾT	DH13CD	<i>Quyết</i>		5	7.6	8	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD	<i>Sang</i>		6	7.2	5.5	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13138171	LÊ TUẤN SANG	DH13TD	<i>Sang</i>		7	6.5	6	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13153202	NGUYỄN TẤN SỸ	DH13CD	<i>Sỹ</i>		7	2.4	7	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12153131	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CD	<i>Tai</i>		7	6.6	1	3.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12138067	NGUYỄN THÀNH TÂM	DH12TD							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13138183	VŨ MINH TÂM	DH13TD	<i>Tâm</i>		9	7	7	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13153021	CAO THANH TÂN	DH13CD	<i>Tan</i>		6	6.9	5	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ : 002

Trang 4/2

Mã nhận dạng 01698

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (90%)	Đ 2 (10%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13138185	LÊ DUY TÂN	DH13TD	<i>tan</i>		8	5.9	5	5.6	(Y) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
56	13153206	NGUYỄN HÀ TÂN	DH13CD	<i>tan</i>		6	2.6	1.5	3.5	(Y) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
57	12153081	TRẦN DẶNG THÔNG	DH12CD	<i>thl</i>		5	5.5	2	3.4	(Y) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 4 Hiện diện: 53

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.V. Kiệp

Lê Việt Trung

Vũ Văn Bình

Nguyễn Lê Tường

Nguyễn Hoàng Anh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13153023	TẶNG THÀNH THẢO	DH13CD	<i>Thảo</i>	10	6	24	1.5	2.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153211	HUỖNH VÕ MINH THẮNG	DH13CD	<i>Th</i>	10	5	24	1.5	2.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138205	VƯƠNG BẢO THỂ	DH13TD	<i>The</i>	10	7	77	5	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153215	HÀN VĂN THỊ	DH13CD	<i>Thị</i>	10	7	6.6	7.5	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153219	TÔN THẤT THIỆN	DH13CD	<i>Thien</i>	10	7	8	4	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13153223	TRẦN HỮU THỌ	DH13CD	<i>Tho</i>	10	6	6.6	5	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153222	TRƯƠNG PHI THOÀN	DH13CD	<i>Th</i>	10	6	2.4	3.5	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153229	LÊ QUYẾT TIẾN	DH13CD	<i>Quy</i>	10	6	6.8	0.5	2.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153232	NGUYỄN THÀNH TIẾN	DH13CD	<i>Thy</i>	10	3	7.3	8	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153236	PHẠM TRỌNG TÍN	DH13CD	<i>Ph</i>	10	6	8.7	6	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13153238	MAI THANH TÍNH	DH13CD		10					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153150	NGUYỄN DƯ TOÀN	DH12CD	<i>Th</i>	10	7	2	7.5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13153243	NGUYỄN LÊ MINH TRÍ	DH13CD		10					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153244	NGUYỄN THANH TRÍ	DH13CD	<i>Thy</i>	10	6	2.4	3	3.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153240	NGUYỄN CÔNG TRIỂN	DH13CD		10					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153194	ĐẶNG MINH TRỌN	DH12CD		10					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13153285	NGUYỄN QUANG TRUNG	DH13CD	<i>Th</i>	10	8	2.3	8	2.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13153245	NGUYỄN TIẾN TRUNG	DH13CD	<i>Th</i>	10	7	2.4	5.5	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 01 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13153246	TRẦN SỸ	TRUNG	DH13CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13153251	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	DH13CD	my	5	24	1	1.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12138134	VÕ ĐÌNH	TRƯỜNG	DH12TD	ghe	8	73	2	4.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153014	CAO MINH	TÚ	DH12CD	zau	10	88	8.5	8.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13153026	PHẠM LÂM ANH	TUẤN	DH13CD	Th	6	7	5	5.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153123	THIỀU DUY	TÙNG	DH12CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13153268	NGUYỄN CAO	VĂN	DH13CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13153269	VÕ THÀNH	VĂN	DH13CD	thanh	5	24	7	5.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138253	PHẠM TIẾN	VIỆT	DH13TD	viên	7	82	9	8.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13153272	ĐÌNH QUỐC	VŨ	DH13CD	duoc	7	86	7.5	7.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153275	LÊ VĂN	VŨ	DH13CD	van	8	88	7.5	7.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13153030	TA NGỌC SƠN	VŨ	DH13CD						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153126	TRƯỜNG QUANG	VŨ	DH12CD	q	7	88	5	5.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13153031	TRẦN THẾ	VƯỢNG	DH13CD	thuy	6	24	2	2.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13153280	LƯƠNG TRUNG	VƯỢNG	DH13CD	thuy	7	25	5	5.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đào Duy Vinh

Lê Quang Trí

Nguyễn Lê Tường

Nguyễn Lê Tường

Nguyễn Lê Tường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 02

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD	<i>AP</i>	1	3	8	4,5	5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13153034	PHẠM NHẬT ANH	DH13CD	<i>Pham</i>	1	8	8,5	9	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138027	BÙI MINH BẢO	DH13TD	<i>V</i>	V					V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13153038	THÁI QUANG BẢO	DH13CD	<i>Quy</i>	1	8	8	9	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13153044	LÊ VĂN CẢNH	DH13CD	<i>Canh</i>	1	10	9	8,5	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153002	NGUYỄN TUẤN CHÍNH	DH12CD	<i>Chinh</i>	1	6	8,5	1	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138029	NGÔ THẾ CHUNG	DH13TD	<i>Chung</i>	1	8	8,5	7	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138030	TRẦN HUY CHUÔNG	DH13TD	<i>Chuong</i>	1	8	8,5	2,5	4,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13138031	LÊ BÁ CÔNG	DH13TD	<i>Co</i>	1	9	8	8,5	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153283	VÔ QUỐC DANH	DH13CD	<i>Danh</i>	1	6	8	6,5	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138042	QUÁCH ĐÌNH DŨNG	DH13TD	<i>Dung</i>	1	7	7,5	6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153061	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	DH13CD	<i>Duong</i>	1	8	7	7	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138002	TRƯƠNG QUANG ĐẠI	DH13TD	<i>Da</i>	1	8	8	6,5	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13138003	LƯƠNG ĐÌNH DŨNG	DH13TD	<i>Dung</i>	1	6	7,5	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138050	HỒ ANH ĐỨC	DH13TD	<i>Hu</i>	1	10	7	9	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13153006	NGUYỄN TAM ĐỨC	DH13CD	<i>Duc</i>	1	6	6	2,5	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138054	TỔNG THỊ THU HÀ	DH13TD	<i>Thuha</i>	1	10	8,5	8,5	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138058	CAO XUÂN HÀI	DH13TD	<i>Hai</i>	1	10	8,5	6	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13138060	PHAN HỒNG HẢI	DH13TD	<i>[Signature]</i>	2	7	7,5	7,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138061	TRẦN MINH HẢI	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	10	8	5,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13153092	LÊ QUANG HẬU	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	5	8	2,5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13153093	PHÙNG VĂN HẬU	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	6	6,5	4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138068	HOÀNG MINH HIẾU	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	8	7,5	5	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138261	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	9	8	6	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138073	PHẠM TRUNG HIẾU	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	10	8	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138263	HẠP TIẾN HOÀNG	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	8	8	5,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13153106	NGUYỄN HUY HOÀNG	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	9	8,5	5,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138079	NGUYỄN TRẦN MINH HOÀNG	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	3	6	2	3,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153109	NGUYỄN TÂN HỒNG	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	6	6,5	6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138005	ĐẬU VIỆT HÙNG	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	8	7,5	5,5	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13153119	NGUYỄN VĂN HƯNG	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	8	9	4,5	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13138089	TÔ VĂN HƯNG	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	8	8	8	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13138090	HÀ VĂN HƯƠNG	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	10	8	7,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138006	ĐÀO THANH HỮU	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	7	7	2,5	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13138091	LÂM TẤN KHA	DH13TD	<i>[Signature]</i>	1	10	7,5	7	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153123	TRẦN MINH KHA	DH13CD	<i>[Signature]</i>	1	6	7,5	1,5	3,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13138094	PHẠM DUY	KHÁNH	DH13TD	Khánh	2	7	8	0,5	3,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
38	13153130	TRẦN VĂN	KHOA	DH13CD	V	1	1				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
39	13138096	VÕ ANH	KHOA	DH13TD	Võ Anh	2	3	5	2	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
40	12138126	NGUYỄN DUY	KHƯƠNG	DH12TD	Nguyễn Duy	2	7	7,5	5,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
41	13138099	CAO HOÀNG	LÂM	DH13TD	Hoàng	2	6	8,5	6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
42	13138103	NGUYỄN ĐÌNH	LÂN	DH13TD	Đình	2	7	8,5	7	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
43	13138008	PHAN XUÂN	LIÊM	DH13TD	Xuân	2	8	7,5	6,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
44	13138108	LÊ QUANG	LINH	DH13TD	Quang	2	6	8,5	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
45	13138109	TRẦN HOÀI	LINH	DH13TD	Hoài	2	7	8,5	6,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
46	13153011	CHU VĂN	LONG	DH13CD	Chu Văn	2	6	7,5	5,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
47	13138009	NGUYỄN KIM HẢI	LONG	DH13TD	Kim Hải	2	8	6,5	4,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
48	13138112	ĐẶNG THÀNH	LỢI	DH13TD	Thành	2	10	7,5	6,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
49	13138113	PHẠM HỮU	LUÂN	DH13TD	V	1	1				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	13138260	HOÀNG ĐỨC	LƯƠNG	DH13TD	Đức	2	8	8	0,5	3,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	13138116	VÕ TẤN	LÝ	DH13TD	Tấn	2	8	6,5	2,5	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	13138117	NGUYỄN QUỐC	MẠNH	DH13TD	Quốc	2	7	7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	13138118	NGUYỄN VĂN	MẾN	DH13TD	Văn	2	9	7,5	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	12153190	LÊ CÔNG	MÍNH	DH12CD	V	1	1				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13153015	CHU HOÀI	NAM	DH13CD	Nam	1	6	8,0	5	6	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
56	13138010	NGUYỄN NGỌC	NAM	DH13TD	Nam	1	5	8	6	6,5	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
57	13153156	PHẠM NGỌC	NAM	DH13CD	Nam	1	3	7	7,5	6,9	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
58	13153016	NGUYỄN MINH	NGỌC	DH13CD	Ngọc	1	6	9	5,5	6,6	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
59	13138128	NGUYỄN TIẾN	NGỌC	DH13TD	Nam	1	6	7	5	5,7	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
60	13138136	NINH QUANG	NHẬT	DH13TD	Nam	1	9	8	7,5	7,8	(V)(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

LÊ QUANG HIỀN

Phạm Duy Lam

Vương Đình Bông

Nguyễn Lê Tường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13138140	LÊ THỊ HUỲNH	NHƯ	DH13TD	10	9	8	8,5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138148	PHẠM KHÁNH	PHI	DH13TD	6	8	5	6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138152	HOÀNG XUÂN	PHÚ	DH13TD	8	9	1	4,1		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13138153	HUỲNH HOÀNG	PHÚ	DH13TD	10	7,5	7,5	7,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138154	HUỲNH VĂN	PHÚC	DH13TD	8	0	6,5	4,7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138156	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	DH13TD	3	7,5	5	5,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138157	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	DH13TD	3	7,5	5	5,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13138163	PHẠM LƯU	PHƯỚC	DH13TD						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13153017	HỒ VĂN	QUANG	DH13CD	6	7,5	7,5	7,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13138165	MAN HỒNG	QUÂN	DH13TD	8	7,5	6,5	7,0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153070	VÕ HIỀN	QUÂN	DH12CD	6	8	5,5	6,3		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138015	VÕ BẢO	QUỐC	DH13TD	10	8	7,5	7,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138168	BÙI CÔNG	QUYÊN	DH13TD	7	8,5	7,5	7,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13153197	DƯƠNG	QUYNH	DH13CD	9	8,5	8,5	8,6		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13138016	NGÔ TẤT	SANG	DH13TD	8	8	6	6,8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138172	NGUYỄN VĂN	SANG	DH13TD	6	7,5	5	5,9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13138173	TRẦN VŨ	SANG	DH13TD	9	8	8,5	8,4		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13138174	TRẦN THỊ	SANG	DH13TD	10	7	6,5	7		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13153019	PHAN VĂN SINH	DH13CD	Sig	7	9	6	7		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13138175	BÙI THÁI SƠN	DH13TD	Quo	6	7	8	7,5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138178	NGÔ QUỐC SỬ	DH13TD	Quo	7	8	9	8,5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138181	PHẠM VĂN TÂM	DH13TD	Tam	8	7,5	3	4,9		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138189	VĂN THÀNH TÂN	DH13TD	Tan	6	8,5	8,5	8,3		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138190	TRẦN VĂN TÂN	DH13TD	Tan						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138200	LÊ NGỌC THẠCH	DH13TD	Tha	9	8	5,5	6,6		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13138192	PHẠM VĂN THANH	DH13TD	Thanh	3	7,5	5	5,6		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138195	HÀ ĐÌNH THÀNH	DH13TD	Ha	6	7	2,5	4,2		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138198	PHAN TIẾN THÀNH	DH13TD	Thanh	9	8,5	6,5	7,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138199	TRỊNH VIỆT THÀNH	DH13TD	Thi	3	5,5	3	3,8		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138201	VĂN THIÊN THẮNG	DH13TD	Thang	3	8	2	3,9		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	13153213	NGUYỄN HỒNG THẮNG	DH13CD	Thang	10	8	10	9,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13153216	LÊ BỬU THI	DH13CD	Thang	10	8	9	8,8		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13138206	NGUYỄN HOÀNG THI	DH13TD	Thi	6	7,5	7,5	7,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138210	TRƯƠNG VĂN THOẠI	DH13TD	Thao	6	7	7	6,9		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13138211	TỔNG TRẦN THÔNG	DH13TD	Thao	9	8	1	3,9		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13153024	LÊ VĂN THUẬN	DH13CD	Thi	7	8,5	1	3,9		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13138217	NGUYỄN ĐỨC TIẾN	DH13TD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13153233	NGUYỄN VĂN TIẾN	DH13CD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13138220	TRƯƠNG TẤN TÍNH	DH13TD			8	7,5	4,5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13138223	ĐÌNH QUỐC TOÀN	DH13TD			9	8	3	5,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13138227	PHẠM ĐÌNH TRẠNG	DH13TD			6	8	9	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13138229	MAI MINH TRÍ	DH13TD			10	6	5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13138231	LÊ MINH TRỌNG	DH13TD			3	5,5	3,5	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13138018	NGUYỄN THANH TRUNG	DH13TD			9	7,5	8	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13153247	ĐÌNH MẠNH TRƯỜNG	DH13CD			7	7,5	7	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13138234	NGUYỄN PHAN HẢI TRƯỜNG	DH13TD			10	8	3,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13138248	NGUYỄN THANH TÚ	DH13TD			8	8,5	8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13138019	BÙI VĂN TUẤN	DH13TD							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	13138238	NGÔ VŨ MINH TUẤN	DH13TD			5	8,5	8	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13138240	PHẠM ANH TUẤN	DH13TD			3	6,5	3	4,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13138020	TRẦN THANH TUẤN	DH13TD			8	6,5	4	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	13153259	TRẦN THANH TUẤN	DH13CD			8	7,5	1	3,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13153261	TRƯƠNG VĂN TUY	DH13CD			5	7,5	3	4,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13138255	PHÙNG ANH VĨ	DH13TD			9	7	2,5	4,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật số-207610

Ngày Thi : 11/06/15 Giờ thi: 12g15 - phút Phòng thi PV400B Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13138251	ĐỖ NGỌC	VIỆT	DH13TD	5	5	8	3	4,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13138254	PHẠM VĂN	VIỆT	DH13TD	5	5	7,5	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13153027	ĐÀO HOÀNG	VINH	DH13CD	7	7	6,5	7,5	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13138021	TRẦN THANH	VĨNH	DH13TD	8	8	8	4,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13138256	NGUYỄN LÊ NHẬT	VŨ	DH13TD	3	3	7	1	3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13138022	NGÔ QUỐC	VƯƠNG	DH13TD	8	8	8	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 5 Hiện diện: : 55

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

15/06/2015

Nguyễn Văn

Vương Đình Bàng

Nguyễn Lê Tường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số-207615

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13154076	HUỖNH ĐỨC BÌNH	DH13OT		20	8	7	7.0	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12118016	LÝ PHAN	DH12CC			✓	✓	✓	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153044	LÊ VĂN CẢNH	DH13CD			8	10	20	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154083	PHAN VĂN CHÂU	DH13OT			✓	✓	✓	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13154089	PHẠM VIỆT CƯỜNG	DH13OT			8	5	3.0	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD			8	9	3.0	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13153283	VÕ QUỐC DANH	DH13CD			2.5	10	4.0	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154067	NGUYỄN MINH DƯƠNG	DH12OT			8	10	5.0	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154069	BÙI THÀNH ĐÁO	DH12OT			8	10	5.0	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13153005	ĐẶNG HỮU ĐỆ	DH13CD			8	10	7.0	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13154095	NGUYỄN HỮU ĐOÀN	DH13OT			8	5	4.5	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13118123	TRỊNH ĐÌNH THANH ĐỨC	DH13CK			8	9	3.0	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13154098	LÊ TRƯỜNG GIANG	DH13OT			8	9	3.0	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153065	TRẦN VĂN HÀNH	DH12CD			8	9	2.0	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13153092	LÊ QUANG HẬU	DH13CD			9	10	1.0	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13137058	MAI HOÀNG HIỆP	DH13NL			8	9	3.0	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK			8	5	5.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13118147	NGUYỄN THÁI HÒA	DH13CK			8	9	4.0	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số-207615

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	30	50%			
19	13154111	HOÀNG NGỌC HOÀI	DH13OT	Hoài		8	7	3.0	5.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13154122	ĐỖ THANH HÙNG	DH13OT			✓	✓	✓	✓	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118168	PHẠM VĂN HÙNG	DH13CC	Hùng		8	5	1.0	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13118159	LƯU QUỐC HUY	DH13CK	Huy		8	9	5.0	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118161	HOÀNG PHẠM THANH HUỲNH	DH13CK	Huỳnh		8	8	3.0	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13154125	TRẦN KHAI HÙNG	DH13OT	Hùng		8	5	3.0	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13153120	TRƯƠNG NGỌC HƯNG	DH13CD	Hưng		7.5	10	3.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118176	LÊ ĐÌNH KHÁ	DH13CK	Khá		8	7	6.0	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13118181	NGUYỄN VĂN KHÁNH	DH13CK	Kh		8	9	6.0	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13118183	TRƯƠNG NHỰT KHÁNH	DH13CC	Nhật		8	7	4.0	5.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118189	NGUYỄN HỮU KIẾT	DH13CK	Kiệt		8	7	10.0	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13153142	NGUYỄN VĂN LÂM	DH13CD	Lâm		8	10	5.5	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154249	PHAN THÀNH LÂM	DH12OT	Lâm		8	8	2.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12118100	PHAN THANH LÊ	DH12CK	Thanh		8	5	6.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13118199	ĐÀO HUY LONG	DH13CK	Huy		8	8	4.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13154141	NGUYỄN THÀNH LONG	DH13OT	Long		8	7	2.0	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12118058	NGUYỄN TẤN LỘC	DH12CC	Tấn		8	8	5.0	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13154145	HUỲNH NGỌC LỢI	DH13OT	Lợi		8	5	5.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số-207615

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	30	50%			
37	13153146	TRẦN TẤN	LỢI	DH13CD		8	10	5.0	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13154035	CHÂU VĨNH	MINH	DH13OT		8	10	4.0	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13153015	CHU HOÀI	NAM	DH13CD		8	10	7.0	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	13118218	LÊ VŨ TRƯỜNG	NGỌC	DH13CK		8	7	9.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	13153016	NGUYỄN MINH	NGỌC	DH13CD		8	10	2.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13118219	TRỊNH ĐÌNH VŨ	NGỌC	DH13CK		8	8	3.0	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13153164	LƯU NGỌC	NHÂN	DH13CD		8	10	0.5	4.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13154041	PHẠM HOÀNG	NHU	DH13OT		8	9	9.0	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13118231	NGUYỄN VĂN	PHI	DH13CK		8	5	4.0	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13154042	NGUYỄN VĂN	PHI	DH13OT		8	9	5.0	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	09153068	LÊ HOÀI	PHONG	DH09CD17		V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13118236	ĐẶNG ĐÌNH	PHỔ	DH13CC		8	7	5.0	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12153093	HỒ VĨNH	PHU	DH12CD		8	9	3.0	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	13118039	HUYỄN HỒNG	PHÚC	DH13CK		8	9	4.0	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13118241	NGÔ DUY	QUANG	DH13CK		8	8	5.0	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12154164	TRẦN XUÂN	QUANG	DH12OT		8	8	2.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13153191	LÊ TRỌNG	QUỐC	DH13CD		8	10	2.0	5.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12154235	NGUYỄN ĐÌNH	QUÝ	DH12OT		8	10	1.0	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số-207615

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	30	50			
55	12153130	ĐỖ VĂN SANG	DH12CD	<i>Sang</i>		8	5	4.0	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13154166	TRẦN VĂN SÁU	DH13OT	<i>Sau</i>		8	7	10.0	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13118255	HỒ HOÀNG SƠN	DH13CK	<i>Son</i>		8	5	6.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12154109	TRẦN QUỐC SƠN	DH12OT	<i>Son</i>		8	10	5.5	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	13154050	NGÔ VĂN SỰ	DH13OT	<i>Su</i>		8	9	1.5	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	13154052	LÊ TRUNG TÁ	DH13OT	<i>Ta</i>		8	9	3.0	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13154051	NGÔ TÀI	DH13OT	<i>Tai</i>		8	5	0.5	3.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12154246	NGUYỄN THÀNH TÂN	DH12OT	<i>Tan</i>		8	10	3.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	13118269	VŨ MINH TÂY	DH13CK	<i>Tay</i>		8	8	6.5	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12154178	PHAN QUỐC THÁI	DH12OT	<i>Thai</i>		8	5	1.0	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12153136	LÊ VĂN THÀNH	DH12CD	<i>Thanh</i>		8	9	7.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12154185	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH12OT	<i>Thien</i>		8	5	4.0	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12153146	NGUYỄN LÝ THỚI	DH12CD			V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11154020	VŨ TRẦN TIẾN	DH11OT	<i>Tien</i>		8	8	6.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH12OT	<i>Toan</i>		8	10	4.0	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12118095	DƯƠNG CÔNG TRẠCH	DH12CK	<i>Trach</i>		8	5	4.0	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	13118312	BẠCH HUY TRÍ	DH13CK	<i>Tri</i>		8	8	4.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13154063	TRẦN MINH TRÍ	DH13OT	<i>Tri</i>		8	5	3.0	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Phương pháp số-207615

Ngày Thi : 09/06/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi TV101 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20	30	50%			
73	13118317	LÊ QUỐC	TRUNG	DH13CX		8	7	5.0	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	13154194	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	DH13OT		7.5	5	1.0	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12153157	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH12CD		8	9	4.0	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	12154208	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	DH12OT		V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	13153027	ĐÀO HOÀNG	VINH	DH13CD		8.5	8	7.0	7.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12118105	NGUYỄN THANH	VINH	DH12CC		8	8	3.0	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	12153164	VÕ XUÂN	VINH	DH12CD		8	9	7.0	7.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	12118077	TRẦN THANH	VŨ	DH12CC		8.5	8	9.5	8.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 6

Hiện diện: 74

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Văn Kiệp

Phạm Minh Hiền

Nguyễn Văn Dũng

N. Tân Phúc

Đào Duy Vinh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ sở TK hệ thống cơ điện tử-207620

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11153006	HUỖNH VŨ	AN	DH11CD	1			6.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	10153061	HỒ VĂN	BÌNH	DH10CD	1			4.0	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	09153039	PHÙNG HUY	BÌNH	DH09CD17	1			5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11153012	BÙI THÁI	CHÍNH	DH11CD	1			7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153085	NGUYỄN MINH	CHÍNH	DH10CD	1			2.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11138013	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	DH11CD	1			7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11153018	ĐÌNH PHÚC	ĐẠI	DH11CD	2			4.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153016	TRẦN THANH HIẾU	ĐẾ	DH11CD	2			3.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153017	NGUYỄN VĂN	HÙNG	DH11CD	1			3.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153024	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	DH11CD	1			5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	09153007	NGUYỄN VĂN	HUYNH	DH09CD17	1			3.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10153019	NÔNG VĂN	KHIÊM	DH10CD	1			0.5	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	09153053	PHÙNG ĐĂNG	KHOA	DH09CD17	1			1.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11137008	ĐẶNG PHÚC	LỘC	DH11CD	1			7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11138009	PHẠM MINH	LÝ	DH11CD	2			10	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153008	NGUYỄN ĐÌNH	NHON	DH11CD	1			9.0	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	09153068	LÊ HOÀI	PHONG	DH09CD17	1			1.0	1.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153009	VÕ MINH	PHƯƠNG	DH11CD	1			10	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cơ sở TK hệ thống cơ điện tử-207620

Ngày Thi : 16/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD204 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	QUÝ	Dương	1			0.5	0.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	10153046	LÊ VĂN	THƯƠNG	Le	1			2.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11153010	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	Loan	1			5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10153051	NGUYỄN TRỌNG	TUYẾN	Tru	1			7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11138011	HUYNH MINH	VŨ	Minh	2			1.5	1.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	09153085	NGUYỄN PHONG	VŨ	Phong	1			9.0	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Kalua
Tê Văn Tuấn

Ngô Đăng Khoa

Đỗ Xuân Dũng

N.T. Phước

Đào Duy Vinh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật ROBOT-207621

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD502 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11153006	HUỖNH VŨ	AN	DH11CD	<i>Quoc</i>			5	5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09153039	PHÙNG HUY	BÌNH	DH09CD17	<i>Phung</i>			2	2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11153012	BÙI THÁI	CHÍNH	DH11CD	<i>Chuc</i>			4	4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11138013	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	DH11CD	<i>Tran</i>			8.5	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11153018	ĐÌNH PHÚC	ĐẠI	DH11CD	<i>Phuc</i>			5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11153016	TRẦN THANH HIẾU	ĐẾ	DH11CD	<i>Thanh</i>			6.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11153017	NGUYỄN VĂN	HÙNG	DH11CD	<i>Hu</i>			5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153024	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	DH11CD	<i>Viet</i>			5.5	5.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	09153007	NGUYỄN VĂN	HUỖNH	DH09CD17	<i>Quoc</i>			10	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153019	LÊ HOÀNG	KHÁI	DH11CD	<i>Hoang</i>			10	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10153019	NÔNG VĂN	KHIÊM	DH10CD	<i>Ngoc</i>			4.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11137008	ĐẶNG PHÚC	LỘC	DH11CD	<i>Phuc</i>			6.0	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11138009	PHẠM MINH	LÝ	DH11CD	<i>Pham</i>			8.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153008	NGUYỄN ĐÌNH	NHƠN	DH11CD	<i>Ngoc</i>			8.0	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153009	VŨ MINH	PHƯƠNG	DH11CD	<i>Phuoc</i>			7.0	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	QUÝ	DH11CD	<i>Phuoc</i>			5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	10153038	ĐOÀN TRẦN CAO	THẮNG	DH10CD	<i>Ca</i>			2.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	10153042	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	DH10CD	<i>Thi</i>			2.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật ROBOT-207621

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD502 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	10153046	LÊ VĂN THƯƠNG	DH10CD					2.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD					3.0	3.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	10153052	HUYỀN THANH TÙNG	DH10CD					2.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	10153051	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	DH10CD					2.0	2.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10153089	VÕ BÉ VIỆT	DH10CD					2.5	2.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11138011	HUYỀN MINH VŨ	DH11CD					4.5	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	09153085	NGUYỄN PHONG VŨ	DH09CD17					5.0	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

N.V. Kiệp

N. Hoàng Khon

Nguyễn Tuấn Dũng

N. Tân Phúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01

Tổ :

Trang 1/2

Mã nhận dạng 01171

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Khóa luận tốt nghiệp - 01-207622

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11118009	NGUYỄN THÁI TÌNH	DH11CD						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11137001	NGUYỄN MINH PHÁT	DH11CD						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11137002	LÊ NGỌC ĐỨC	DH11CD						8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG THỐNG	DH11CD						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11153007	UNG MINH HOÀN	DH11CD						8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11153013	LÊ VĂN TÂM	DH11CD						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11153021	NGUYỄN VĂN HÒA	DH11CD						9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11153026	PHAN TRUNG HẬU	DH11CD						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11153028	HUỖNH NGỌC TIẾN	DH11CD						8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11153029	LÊ DUY THANH	DH11CD						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153031	PHAN TRƯỜNG THỊNH	DH11CD						8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153032	PHẠM CÔNG TẤN	DH11CD						8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11153036	NGUYỄN HỮU LUÂN	DH11CD						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153037	PHAN HIỀN THẢO	DH11CD						9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153038	LÊ HẢI ĐĂNG	DH11CD						9,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Lê Tường

Bùi

Bùi

Nguyễn Tân Phúc

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật xử lý ảnh-207624

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD105 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
							40	60%			
1	12138027	LƯƠNG THẾ ANH	DH12TD	<i>HL</i>			5	6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12138011	NGÔ NHẬT ANH	DH12TD	<i>HR</i>			0	6	3,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153140	VÕ VĂN QUỐC ANH	DH12CD	<i>vanj</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153028	DƯƠNG GIA BẢO	DH12CD	<i>gia</i>			6	8	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10138055	NGUYỄN LÊ BẢNG	DH10TD	<i>vanj</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153033	NGUYỄN TIỂU BÌNH	DH12CD	<i>ti</i>			7	8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153001	TRẦN QUỐC BỬU	DH12CD	<i>bu</i>			7	8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153031	LÊ VĂN CẢNH	DH12CD	<i>canh</i>			6	6	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153002	NGUYỄN TUẤN CHÍNH	DH12CD	<i>chinh</i>			7	8	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153036	HỮA THANH CHUNG	DH12CD	<i>chung</i>			5	7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153039	LƯƠNG HOÀNG CHƯƠNG	DH12CD	<i>luong</i>			7	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153172	NGUYỄN CƯỜNG	DH12CD	<i>cuong</i>			8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153041	NGUYỄN CHÍ CƯỜNG	DH12CD	<i>cuong</i>			7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	09153002	VÕ VĂN CƯỜNG	DH09CD17	<i>vanj</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153043	HỒ THÀNH DANH	DH12CD	<i>danh</i>			7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153053	DƯƠNG NGỌC ĐA	DH12CD	<i>da</i>			7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153187	HỒ HỮU ĐẠT	DH12CD	<i>hat</i>			6	6	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153048	TRẦN VĂN ĐẠT	DH12CD	<i>dat</i>			6	6	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật xử lý ảnh-207624

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD105 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
								40	60%		
19	12153167	TRƯƠNG PHÁT	ĐAT	DH12CD			6	6	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153059	HỒ ANH	ĐỒNG	DH12CD			8	5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153062	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	DH12CD			7	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153065	TRẦN VĂN	HÀNH	DH12CD			7	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12138046	NGUYỄN THẾ	HIỂN	DH12TD			7	8	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153174	NGUYỄN KHẮC	HÒA	DH12CD			6	6	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153079	VÕ VĂN HUY	HOÀNG	DH12CD			7	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153175	LƯU GIA	HUÂN	DH12CD			7	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153046	VŨ QUANG	HƯNG	DH12CD			7	5	5,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12138071	TRẦN VŨ NAM	KHA	DH12TD			6	6	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	10153019	NÔNG VĂN	KHIÊM	DH10CD						(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153074	TRẦN TRỌNG	KHIÊM	DH12CD			7	8	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153090	NGUYỄN MINH	KHOÁNH	DH12CD			7	8	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12153092	NGUYỄN ANH	KIỆT	DH12CD			8	6	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện : 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Kim Nga

Vũ Thị Bình

Trần Thị Kim Nga

Lê Quang Hải

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật xử lý ảnh-207624

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD106 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	10153070	NGUYỄN DUY LONG	DH10CD	<i>Vũ</i>			40	60%		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12153179	ĐÌNH QUANG	DH12CD	<i>Quang</i>			6	6	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12153190	LÊ CÔNG MINH	DH12CD	<i>Vũ</i>						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12153086	TRẦN ĐÌNH MINH	DH12CD	<i>ĐM</i>			7	9	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12153006	TRƯƠNG HOÀI NAM	DH12CD	<i>Tr</i>			8	6	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12153008	LÊ TRỌNG NGHĨA	DH12CD	<i>Ch</i>			8	8	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12153087	HỒ VĂN NHÂN	DH12CD	<i>Nh</i>			8	6	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12153114	NGUYỄN HOÀI NHÂN	DH12CD	<i>Nh</i>			0	5	3,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12153088	ĐẶNG HOÀNG NHIÊN	DH12CD	<i>ĐH</i>			6	8	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12153119	ĐỖ THÀNH PHÁT	DH12CD	<i>ĐP</i>			8	6	6,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12153009	NGUYỄN THANH PHONG	DH12CD	<i>Ph</i>			7	8	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12153128	LÊ HỒNG PHÚC	DH12CD	<i>Ph</i>			7	7	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12153068	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	DH12CD	<i>LH</i>			8	9	8,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12153070	VÕ HIỀN QUÂN	DH12CD	<i>Qu</i>			6	7	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12153133	NGUYỄN THANH TÂN	DH12CD	<i>NT</i>			7	6	6,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12153104	PHẠM VĂN TÂY	DH12CD	<i>Ph</i>			8	7	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12153138	ĐOÀN VĂN THÀNH	DH12CD	<i>ĐV</i>			7	7	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12153136	LÊ VĂN THÀNH	DH12CD	<i>Lv</i>			7	7	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kỹ thuật xử lý ảnh-207624

Ngày Thi : 10/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD106 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12153012	LÂM MINH THẮNG	DH12CD	<i>Thắng</i>			6	9	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12153143	PHẠM QUỐC THẮNG	DH12CD	<i>Thắng</i>						V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12153141	TRẦN NGỌC THẮNG	DH12CD	<i>Thắng</i>			7	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12153183	TRẦN THANH THOẢ	DH12CD	<i>Thanh</i>			8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12153173	ĐOÀN LÝ THUYẾT	DH12CD	<i>Ly</i>			5	6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12153013	TRẦN MINH TIẾN	DH12CD	<i>Tiến</i>			5	7	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12153150	NGUYỄN DƯ TOÀN	DH12CD	<i>Dư Toàn</i>			7	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12153151	PHẠM VĂN TOÀN	DH12CD	<i>Văn Toàn</i>			7	7	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12153156	NGÔ NHẬT TRƯỞNG	DH12CD	<i>Nhật</i>			6	6	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12153014	CAO MINH TÚ	DH12CD	<i>Minh Tú</i>			6	6	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12153165	NGUYỄN THANH VĨ	DH12CD	<i>Thanh Vĩ</i>			6	6	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12153164	VÕ XUÂN VINH	DH12CD	<i>Xuân Vinh</i>			8	6	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12153126	TRƯƠNG QUANG VŨ	DH12CD	<i>Quang Vũ</i>			7	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện : 28

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Kim Nga

Võ Văn Bình

Trần Thị Kim Nga

Nguyễn Hiền

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Đồ án Robot - 01-207625

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 100%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	09153007	NGUYỄN VĂN HUỖNH	DH09CD17					6	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	09153039	PHÙNG HUY BÌNH	DH09CD17					7	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	10153019	NÔNG VĂN KHIÊM	DH10CD					7	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	10153046	LÊ VĂN THƯƠNG	DH10CD					7	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10153051	NGUYỄN TRONG TUYẾN	DH10CD					7	7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11137008	ĐẶNG PHÚC LỘC	DH11CD					6	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	DH11CD					8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11138009	PHẠM MINH LÝ	DH11CD					9	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11138011	HUỖNH MINH VŨ	DH11CD					9	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11138013	TRẦN MẠNH CƯỜNG	DH11CD					9	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11153006	HUỖNH VŨ AN	DH11CD					9	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11153008	NGUYỄN ĐÌNH NHƠN	DH11CD					6	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11153009	VŨ MINH PHƯƠNG	DH11CD					6	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153010	NGUYỄN QUỐC TOÀN	DH11CD					8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11153012	BÙI THÁI CHÍNH	DH11CD					8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11153016	TRẦN THANH HIỆU	DH11CD					9	9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11153017	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH11CD					6	6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11153018	ĐINH PHÚC ĐẠI	DH11CD					8	8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Đồ án Robot - 01-207625

CBGD: Nguyễn Tấn Phúc (836)

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 100%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11153019	LÊ HOÀNG KHÁI	DH11CD					6	6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	11153024	NGUYỄN VIỆT HÙNG	DH11CD					8	8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 20

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


N.T. Phúc


Nguyễn Tấn Phúc


N. Tấn Phúc


Đào Duy Vinh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cấu tạo động cơ Ôtô, máy kéo-207703

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13334001	VÕ NGỌC AN	CD13CI	An		0,5	1	6	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13334005	LÊ THANH TỬ ANH	CD13CI	Anh		0,5	1,5	1	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13334018	NGUYỄN VĂN CẢNH	CD13CI	Canh		1,5	1,5	3,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13154083	PHAN VĂN CHÂU	DH13OT	Chau	V	V	V	V	V	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13334025	VỊ VĂN CHƯƠNG	CD13CI	Chuong		0,5	1,5	3,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13334037	TRẦN THANH DUY	CD13CI	Duy		0	0,5	2,5	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13154091	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	DH13OT	Duong		0,5	1,5	3,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154067	NGUYỄN MINH DƯƠNG	DH12OT	Duong		0,5	1	4	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13334048	NGÔ HUỖNH ĐĂNG	CD13CI	Dang		1	1,5	2,5	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13334050	NGUYỄN TẤN ĐỨC	CD13CI	Duc		0,5	1,5	2	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154215	BÙI ĐỨC GIANG	DH12OT	Giang		0,5	1,5	3	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154085	LÊ ĐÌNH TRƯỜNG GIANG	DH12OT	Giang		0,5	1,5	1	3,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154004	HỒ ĐỨC HẠNH	DH12OT	Hanh		1	2	4	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13334061	NGUYỄN THẾ HIỂN	CD13CI	Hien		1	2	2	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13334062	NGUYỄN VĂN HIỂN	CD13CI	Hien	V	V	V	V	V	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12118036	TRẦN VĂN HIỆP	DH12CK	Hiep		1	2	5,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	13334074	LƯƠNG VĂN HOÀNG	CD13CI	Huong		0,5	1,5	2	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	13334075	NGUYỄN HUY HOÀNG	CD13CI	Huong		0,5	1,5	3	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cấu tạo động cơ Ôtô, máy kéo-207703

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13334077	ĐƯỜNG KHOA	HỌC	CD13CI		0,5	1,5	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12118113	PHAN THÁI	HỌC	DH12CK		0,5	1,5	5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11344020	TRẦN VĂN	HỒ	CD11CI		0,5	0,5	5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154123	VÕ THANH	HÙNG	DH12OT		1	2	4	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13334079	ĐÌNH LÂM	HUY	CD13CI		0,5	0,5	2,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154087	MÃ NHẬT	HUY	DH12OT		0,5	1,5	2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13334081	NGUYỄN BÀ	HUY	CD13CI		1	1	3	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13334083	PHAN TÂN	HUY	CD13CI		0,5	0,5	0,5	1,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13334090	TRẦN DUY	HƯNG	CD13CI		✓	✓	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13334092	NGUYỄN VĂN	HỮU	CD13CI		0,5	2	3,5	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13154127	VÕ QUỐC	KHAI	DH13OT		1	2	3,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154119	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	DH12OT		0,5	2	4,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12118100	PHAN THANH	LÊ	DH12CK		1	1,5	4,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13334111	TRẦN VĂN	LỘC	CD13CI		0,5	2,0	4,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154166	ĐÌNH VĂN	LỢI	DH12OT		0,5	1,5	5,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13334114	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	CD13CI		✓	✓	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12344145	VÕ BÀ	LUÂN	CD12CI		0,5	0,5	2	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13334117	NGUYỄN CÔNG	LỰC	CD13CI		0,5	0,5	2	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cầu tạo động cơ Ôtô, máy kéo-207703

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13334119	NGUYỄN THANH LỸ	CD13CI	V	V	V	V	V	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	13334124	ĐẶNG THANH NAM	CD13CI	shabam		0,5	1,0	3,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	13154037	NGUYỄN VĂN NAM	DH13OT	Nam		0,5	1,5	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12118064	NGUYỄN THÁI THƯ	DH12CK	Thư		1,0	2,0	4,5	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154146	PHAN TRỌNG NHÂM	DH12OT	tr		0,5	1,0	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	13334133	LÊ HỮU NHÂN	CD13CI	h		0,5	1,5	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	13118035	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	DH13CK	nh		0,5	1,0	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13334135	NGUYỄN MINH NHẬT	CD13CI	nh		0,5	0	3,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	13154041	PHẠM HOÀNG NHU	DH13OT	h		1,0	1,0	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	13334152	VŨ CÔNG QUANG	CD13CI	Quang		0,5	1,0	3,0	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	13334155	NGUYỄN TẤN QUỐC	CD13CI	q		0,5	2,0	4,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	13334161	ĐẶNG CHIÊU SINH	CD13CI	su		0,5	2,0	2,5	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12118022	ĐÌNH CÔNG SƠN	DH12CK	CS		0,5	1,5	6,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12118082	LÊ VĂN SƠN	DH12CK	VSM		0,5	0,5	5,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13154050	NGÔ VĂN SỰ	DH13OT	Th		1,0	1,0	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12118115	NGUYỄN NGỌC TÀI	DH12CK	Tu		0,5	0,5	2,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	13334169	NGUYỄN VĂN TÀI	CD13CI	Tai		0,5	1,5	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13334170	TỔNG MINH TÀI	CD13CI	Ta		0,5	1,0	2,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cấu tạo động cơ Ôtô, máy kéo-207703

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	12154246	NGUYỄN THÀNH TẤN	DH12OT	<i>Th</i>		0,5	1,5	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12118119	NGUYỄN TRUNG TẤT	DH12CK	<i>hu</i>		0,5	1,0	2,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	13334175	ĐOÀN THIÊN THANH	CD13CI	<i>Ng</i>		1,0	1,0	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13334179	PHAN VĂN THÀNH	CD13CI	<i>Ph</i>		0,5	0,5	1,0	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12154021	TRẦN VĂN THẮNG	DH12OT	<i>Tr</i>		0,5	1,5	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	07118019	LƯU ĐỨC THẮNG	DH08CK17	<i>LĐ</i>		0,5	1,5	3,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	13334188	NGUYỄN NGỎ MINH THỂ	CD13CI	<i>V</i>	V	✓	✓	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	13334189	ĐẶNG TUẤN THI	CD13CI	<i>ĐT</i>		0,5	1,0	2,5	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12154185	NGUYỄN VĂN THIÊN	DH12OT	<i>NV</i>		0,5	1,5	6,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13334193	VŨ ĐỨC THIÊN	CD13CI	<i>V</i>	V	✓	✓	✓	✓	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	13334204	NGUYỄN HỒNG THUẬN	CD13CI	<i>HN</i>		0,5	1,5	4	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12154177	NGUYỄN THÀNH THUẬN	DH12OT	<i>Th</i>		1,0	2,0	1,5	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12344128	VŨ MINH THUẬN	CD12CI	<i>V</i>		0,5	1,5	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	13334212	LÂM QUỐC TIẾN	CD13CI	<i>LQ</i>		0,5	1,0	2,0	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12118097	LONG QUỐC TIẾN	DH12CK	<i>LQ</i>		1,0	1,5	4,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	13334215	PHẠM MINH TOÀN	CD13CI	<i>PM</i>		1,0	1,0	4,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12118095	DƯƠNG CÔNG TRẠCH	DH12CK	<i>DT</i>		0,5	1,5	4,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	13118059	TRẦN VĂN TRỌNG	DH13CK	<i>TV</i>		0,5	2,0	4,0	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cầu tạo động cơ Ôtô, máy kéo-207703

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV303 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tử	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	13334226	ĐẶNG TRUNG	CD13CI	<i>Đặng</i>		0,5	1,5	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	13334236	PHẠM MINH TÚ	CD13CI	<i>Tú</i>		0,5	1,5	2,0	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	12118055	NGUYỄN TRUNG TUẤN	DH12CK	<i>Nguyễn Tuấn</i>		0,5	1,5	2,5	4,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	08154040	NGUYỄN ANH TUẤN	DH08OT17	<i>Tuấn</i>		0,5	0,5	2,0	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	13334233	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	CD13CI	<i>Nguyễn Tuấn</i>		0,5	1,5	0,5	2,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	12154241	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	DH12OT	<i>Đức Tùng</i>		1,0	1,5	0,5	3,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	13334244	LÊ QUANG VINH	CD13CI	<i>Vinh</i>		0,5	2,0	5,0	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	13334252	NGUYỄN TẤN NHƯ Ý	CD13CI	<i>Như Ý</i>		0,5	1,5	5,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 07 Hiện diện: : 73

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Văn Đức
LÊ QUANG HIỀN

Nguyễn Văn Đức
Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Văn Đức
Nguyễn Văn Đức

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cầu tạo truyền động Ôtô-207704

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (20%)	Đ 2 (20%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH120T	An		0,9	2	3,9	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH120T	anh		0,7	2	3,6	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154127	HỒ BẢO ANH	DH120T	Aho		1,8	2	5,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154223	LÊ CÔNG TUẤN	DH120T	Anh		0,8	2	3,6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH120T	du		0,7	2	3,3	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154037	TRẦN THIÊN AN	DH120T	th		1,6	2	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154030	LÊ QUỐC BẢO	DH120T	co		1,5	2	4,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH120T	binh		0,7	2	3,3	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC CHÍNH	DH120T	chinh		1,2	2	1,8	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH120T	con		1,7	2	4,5	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH120T	cu		1,6	2	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154039	TRẦN TIẾN DŨNG	DH120T	tin		0,7	2	3,3	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH120T	th		1,6	2	5,4	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH120T	duy		1,0	2	3,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154059	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH120T	duy		1,1	2	3,9	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH120T	thai		2	2	6,0	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154069	BÙI THÀNH ĐÀO	DH120T	thai		1,2	2	4,2	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH120T	dat		1,6	2	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cấu tạo truyền động Ôtô-207704

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH120T	<i>Đạt</i>		1,1	2	3,9	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154205	NGÔ HỒ	DH120T	<i>Hoàng</i>		1,4	2	4,8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	DH120T	<i>Phương</i>		1,5	2	5,1	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154003	ĐẶNG VĂN ỨT	EM	<i>Ứt</i>		1,4	2	4,8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154226	KIỀU VĂN HÂN	DH120T	<i>Hân</i>		1,5	2	6,8	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154227	HỒ THANH HẬU	DH120T	<i>Thanh</i>		1,3	2	4,5	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH120T	<i>Hậu</i>		1,8	2	5,4	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỂN	DH120T	<i>Hiển</i>		1,2	2	4,2	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154229	HỒ VĂN HIỂN	DH120T	<i>Hiển</i>		1,4	2	4,8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH120T	<i>Ngọc</i>		1,4	2	4,8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH120T	<i>Quang</i>		0,8	2	3,6	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154082	NGUYỄN THANH HÒA	DH120T	<i>Thanh</i>		1,0	2	3,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154032	CAO VĂN HOAN	DH120T	<i>Hoan</i>		1,8	2	1,2	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154005	LÊ TẤN HOÀN	DH120T	<i>Tấn</i>		1,8	2	5,7	9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12154102	TRẦN TUẤN HOÀNG	DH120T	<i>Tuấn</i>		0,9	2	3,6	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH120T	<i>Công</i>		0,9	2	3,9	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	12154086	HUYNH MINH HUY	DH120T	<i>Minh</i>		1,1	2	4,2	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	12154231	THÁI XUÂN HUY	DH120T	<i>Xuân</i>		1,6	2	3,6	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cấu tạo truyền động Ôtô-207704

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 60%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	12154015	NGUYỄN THIÊN KHÁI	DH120T	<i>TK</i>		1,0	2	4,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12154066	TRẦN CÔNG KHANG	DH120T	<i>Thong</i>		1,8	2	1,2	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH120T	<i>AK</i>		1,4	2	5,1	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	12154120	BÙI NGỌC KHOA	DH120T	<i>Ng</i>		0,6	2	3,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	12154143	LƯU TẤN KIẾT	DH120T	<i>Kiệt</i>		0,6	2	3,0	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12154249	PHAN THÀNH LÂM	DH120T	<i>Lâm</i>		0,6	2	2,4	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	12154128	ĐOÀN XUÂN LỘC	DH120T	<i>Lo</i>		1,3	2	4,2	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12154142	NGUYỄN DOÃN LỘC	DH120T	<i>Lo</i>		0,6	2	3,6	6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11154060	ĐOÀN THẾ LUÂN	DH110T	<i>Th</i>		0,7	2	3,3	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	12154113	LÊ ĐẠI NGHĨA	DH120T	<i>Ng</i>		0,8	2	2,7	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	12154070	VŨ HỮU NGHĨA	DH120T	<i>Ng</i>		1,3	2	4,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	12154144	TRẦN XUÂN NGỌC	DH120T	<i>Ng</i>		1,8	2	5,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	12154122	NGUYỄN XUÂN PHONG	DH120T	<i>Ph</i>		1,8	2	5,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	12115150	PHẠM CÔNG PHÚ	DH120T	<i>Ph</i>		1,3	2	4,2	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	12154163	ĐÀO THANH PHƯỚC	DH120T	<i>Ph</i>		1,8	2	5,7	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	12154090	TRẦN HỮU PHƯỚC	DH120T	<i>Ph</i>		1,2	2	4,2	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12154167	NGUYỄN VĂN QUÁ	DH120T	<i>Qu</i>		1,0	2	3,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	12154164	TRẦN XUÂN QUANG	DH120T	<i>Qu</i>		1,2	2	1,8	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cầu tạo truyền động Ôtô-207704

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	12154008	NGUYỄN CHỨC	QUYỀN	DH120T	01	1,0	2	4,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	12154206	PHẠM HÙNG	QUYỀN	DH120T	01	1,8	2	5,7	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12154089	NGUYỄN VĂN	SANG	DH120T	01	1,4	2	4,5	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	12154171	TRƯƠNG MINH	SANG	DH120T	01	1,3	2	4,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12154173	LÊ VĂN	SƠN	DH120T	01	1,4	2	4,8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12154109	TRẦN QUỐC	SƠN	DH120T	01	0,9	2	3,9	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	10154035	HỒ THÁI OANH	SỸ	DH100T	01	1,2	2	1,8	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12154132	NGUYỄN MINH	TÂN	DH120T	01	1,0	2	3,6	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12154133	NGUYỄN MINH	TÂN	DH120T	01	1,4	2	4,8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	12154134	PHAN DUY	THANH	DH120T	01	1,6	2	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12154179	TRẦN TRUNG	THÀNH	DH120T	01	1,7	2	5,1	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	12154187	NGUYỄN QUỐC	THỊNH	DH120T	01	1,2	2	1,8	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	12154192	TRẦN VĂN	TIỀN	DH120T	01	1,6	2	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	12154193	VÕ MẠNH	TÍNH	DH120T	01	1,0	2	3,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	12154199	NGUYỄN THANH	TÔNG	DH120T	01	1,0	2	4,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	12154043	DƯƠNG NHẬT	TRƯỜNG	DH120T	01	1,3	2	4,5	7,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	12154124	TRƯƠNG THANH	TRƯỜNG	DH120T	01	0,5	2	3,0	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	12154154	KIM THANH	TUẤN	DH120T	01	1,6	2	4,8	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cầu tạo truyền động Ôtô-207704

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD200 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	12154158	NGUYỄN VŨ VẤN	TUỆ	DH120T	20	1,4	2	5,1	8,5	(V)(9)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
74	12154011	LÊ PHÚ	TÙNG	DH120T	20	1,5	2	5,1	8,6	(V)(9)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

Số lượng vắng: 2

Hiện diện: : 74

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Đăng Khoa

Phạm Duy Lâm

Hoàng Đình Bân

Trần Mạnh Quý

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cấu tạo truyền động Ôtô-207704

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
						20%	20%	60%			
1	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ	ANH	DH120T	<i>anh</i>	2	2	5,4	9,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154190	TRẦN VĂN	CHINH	DH120T	<i>cs</i>	1,1	2	3,9	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154050	QUẢNG THIÊN	CHƯƠNG	DH120T	<i>thien</i>	1,8	2	5,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154002	ĐOÀN MÃN	ĐẠT	DH120T	<i>dat</i>	1,8	2	5,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154075	NGUYỄN TẤT	ĐẠT	DH120T	<i>thut</i>	1,8	2	5,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154007	ĐẶNG MINH	HOÀNG	DH110T	<i>hoang</i>	1,8	2	1,2	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154110	TRẦN DUY	HÙNG	DH120T	<i>duy</i>	1,7	2	4,8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154118	NGUYỄN BÌNH	KHÁNH	DH120T	<i>binh</i>	1,6	2	5,4	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154232	NGUYỄN VIỆT	LÂM	DH120T	<i>viet</i>	0,7	2	3,3	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154237	NGUYỄN CHÁNH	LÂN	DH120T	<i>chanh</i>	1,2	2	1,8	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154259	TRẦN KIM	LỘC	DH120T	<i>kim</i>	0,9	2	3,6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154239	NGUYỄN VĂN	LUẬN	DH120T	<i>luan</i>	1,6	2	1,2	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154240	NGUYỄN THANH	LƯƠNG	DH120T	<i>thanh</i>	0,9	2	3,6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154138	MAI THÁNH	NHÂN	DH120T	<i>thanh</i>	1,1	2	3,9	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154147	PHẠM HUỖNH ĐẠT	NHÂN	DH120T	<i>dat</i>	1,3	2	4,2	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154152	NGUYỄN TẤN	PHÁT	DH120T	<i>tan</i>	1,4	2	4,8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154194	NGUYỄN HỮU	PHÚC	DH120T	<i>phuoc</i>	1,7	2	4,8	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154020	HUỖNH THANH	PHÙNG	DH120T	<i>thanh</i>	0,9	2	3,6	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Cầu tạo truyền động Ôtô-207704

Ngày Thi : 18/06/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi RD203 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154247	NGUYỄN CHÁNH QUANG	DH120T	<i>Chung</i>	20%	20%	60%	4,2	7,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH120T	<i>Quí</i>	1,0	2	3,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154236	TRINH THANH SON	DH120T	<i>Thanh</i>	1,4	2	4,8	8,2	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154083	LÊ THANH TÂM	DH120T	<i>Thanh</i>	2	2	6,0	10	10	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH120T	<i>Thanh</i>	0,7	2	3,3	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154182	PHAN DUY THẨM	DH120T	<i>Phan</i>	0,9	2	3,6	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154186	LÊ QUÝ THIỆU	DH120T	<i>Thi</i>	0,8	2	4,2	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154204	VẠN NGỌC TÍNH	DH120T	<i>Van</i>	1,5	2	5,1	8,6	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH120T	<i>Van</i>	0,6	2	3,9	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154197	TRẦN NGỌC TOÀN	DH120T	<i>Tran</i>	0,8	2	4,2	7,0	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154018	NGUYỄN VĂN TRANG	DH120T	<i>Tran</i>	0,7	2	3,3	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154065	ĐÌNH LÊ HOÀNG TUẤN	DH120T	<i>Van</i>	1,2	2	4,8	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11154053	HUỖNH THANH TÙNG	DH110T	<i>Van</i>	0,9	2	3,6	6,5	6,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154013	LÝ KIM XÁI	DH120T	<i>Xai</i>	1,4	2	5,1	8,5	8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 32

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngô Thị Hồng Diệp

Nguyễn Văn Ngọc Mạnh

Vương Đình Bình

Trần Mạnh Cường

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện động cơ-207707

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD304 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154181	HOÀNG LÊ ANH	DH120T	<i>anh</i>	1		1,5	1,6	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154076	NGUYỄN LÊ TÚ ANH	DH120T	<i>anh</i>	1		2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154030	LÊ QUỐC BẢO	DH120T	<i>ba</i>	1		1,5	4	1,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154190	TRẦN VĂN CHÍNH	DH120T	<i>ch</i>	1		2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154050	QUẢNG THIÊN CHUÔNG	DH120T	<i>chu</i>	1		2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154052	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH120T	<i>cong</i>	1		2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154002	ĐOÀN MÃN ĐẠT	DH120T	<i>dat</i>	1		2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154080	NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG	DH120T	<i>phoc</i>	2		1,5	4,4	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154003	ĐẶNG VĂN ÚT EM	DH120T	<i>em</i>	1		1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154005	LÊ TẤN HOÀN	DH120T	<i>han</i>	1		2	6,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154110	TRẦN DUY HÙNG	DH120T	<i>huc</i>	2		2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154118	NGUYỄN BÌNH KHÁNH	DH120T	<i>canh</i>	1		2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154016	NGUYỄN DUY KHÁNH	DH120T	<i>canh</i>	2		2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154120	BÙI NGỌC KHOA	DH120T	<i>nga</i>	1		2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154232	NGUYỄN VIỆT LÂM	DH120T	<i>lam</i>	1		2	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154259	TRẦN KIM LỘC	DH120T	<i>loc</i>	1		1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154239	NGUYỄN VĂN LUÂN	DH120T	<i>luan</i>	1		1,5	1,6	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11154045	CHIU ĐỨC MINH	DH110T	<i>minh</i>	1		1,5	2,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện động cơ-207707

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD304 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154144	TRẦN XUÂN NGỌC	DH120T	<i>Ngoc</i>	1		1,5	4,4	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154147	PHẠM HUỖNH ĐẠT	DH120T	<i>Pham</i>	1		1,5	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154020	HUỖNH THANH PHÚNG	DH120T	<i>Phung</i>	4		1,5	4,8	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154235	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ	DH120T	<i>Quang</i>	1		1,5	4,8	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154171	TRƯƠNG MINH SANG	DH120T	<i>Truong</i>	1		1,5	4,4	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154172	TRẦN VĂN SĨ	DH120T	<i>Tran</i>	1		2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154173	LÊ VĂN SƠN	DH120T	<i>Le</i>	1		2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154236	TRỊNH THANH SƠN	DH120T	<i>Trinh</i>	2		2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154083	LÊ THANH TÂM	DH120T	<i>Le</i>	2		2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154182	PHAN DUY THẨM	DH120T	<i>Phan</i>	1		1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154204	VĂN NGỌC TÌNH	DH120T	<i>Van</i>	2		2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154193	VÕ MẠNH TÍNH	DH120T	<i>Vu</i>	1		1,5	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154198	NGUYỄN VĂN TOÀN	DH120T	<i>Nguyen</i>	1		1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154065	ĐÌNH LÊ HOÀNG TUẤN	DH120T	<i>Doan</i>	2		1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 32

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phạm Duy Lam

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện động cơ-207707

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154022	BÙI NGỌC AN	DH120T	An			2	4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154127	HỒ BẢO ANH	DH120T	Bao	2		2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154034	TRẦN TUẤN ANH	DH120T	Tuan			2	3,6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154037	TRẦN THIÊN AN	DH120T	Tuan			2	6,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154026	VÕ QUANG BÌNH	DH120T	Phu			1,5	2,4	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154051	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC CHÍNH	DH120T	Chinh			1,5	2,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154225	LÊ MINH CƯỜNG	DH120T	Minh			2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154039	TRẦN TIẾN DŨNG	DH120T	Tien			1,5	3,6	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154063	BÙI THÀNH DUY	DH120T	Thanh			2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154062	ĐỖ VĂN DUY	DH120T	Duy			2	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154059	NGUYỄN HOÀNG DUY	DH120T	Hoang			1,5	3,2	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154060	NGUYỄN THÁI DUY	DH120T	Thai			2	6,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154069	BÙI THÀNH ĐÁO	DH120T	Thanh			2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154055	LÂM HỒNG ĐẠT	DH120T	Hong			2	4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154075	NGUYỄN TẤT ĐẠT	DH120T	Tat			2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154058	PHẠM TRỌNG ĐẠT	DH120T	Trang	2		2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154205	NGÔ HỒ DIỆP	DH120T	Diep	2		2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154226	KIỀU VĂN HÂN	DH120T	Han			2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện động cơ-207707

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD301 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154227	HỒ THANH HẬU	DH12OT	<i>Thanh</i>	2		2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154112	NGUYỄN CÔNG HẬU	DH12OT	<i>Nguyen</i>			2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154092	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	DH12OT	<i>Nguyen</i>			2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154229	HỒ VĂN HIỀN	DH12OT	<i>Hu</i>			2	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154104	ĐẶNG NGỌC HÒA	DH12OT	<i>Hoang</i>	2		2	6A	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154222	LÊ QUANG HÒA	DH12OT	<i>Le</i>			2	4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 24

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyen Hai Giang
Ngô Hải Giang

Ca Duoi
Ca Duoi

ky
Kỹ Thuật

hanh
Hải Long Hanh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện động cơ-207707

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD305 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154082	NGUYỄN THANH HÒA	DH12OT	<i>Hoà</i>	1		1,5	3,2	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154032	CAO VĂN HOAN	DH12OT	<i>Hoan</i>	1		1,5	2,4	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11154007	ĐẶNG MINH HOÀNG	DH11OT	<i>Hoàng</i>	1		1,5	1,6	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154102	TRẦN TUẤN HOÀNG	DH12OT	<i>Tuấn</i>	1		1,5	2,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	10154015	HỒ XUÂN HÙNG	DH10OT	<i>Xuân</i>	2		2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12154107	HỒ CÔNG HUY	DH12OT	<i>Công Huy</i>	1		1,5	2,4	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154086	HUỖNH MINH HUY	DH12OT	<i>Minh Huy</i>	1		1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154231	THÁI XUÂN HUY	DH12OT	<i>Xuân Huy</i>	1		1,5	2,4	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12154015	NGUYỄN THIÊN KHAI	DH12OT	<i>Thiên Khai</i>	1		1,5	4,4	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154066	TRẦN CÔNG KHANG	DH12OT	<i>Công Khang</i>	1		1,5	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	08154052	NGUYỄN QUANG KHÁNH	DH08OT17	<i>V</i>	V			3,2	V	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12154143	LƯU TÂN KIẾT	DH12OT	<i>Kiệt</i>	1		1,5	3,2	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154249	PHAN THÀNH LÂM	DH12OT	<i>Lâm</i>	02		2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154237	NGUYỄN CHÁNH LÂN	DH12OT	<i>Lân</i>	1		1,5	0,8	2,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154128	ĐOÀN XUÂN LỘC	DH12OT	<i>Xuân Lộc</i>	1		1,5	2,4	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154142	NGUYỄN ĐOÀN LỘC	DH12OT	<i>Đoàn Lộc</i>	2		1,5	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11154042	NGÔ HOÀNG LUÂN	DH11OT	<i>Luân</i>	1		1,5	2,4	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154240	NGUYỄN THANH LƯƠNG	DH12OT	<i>Lương</i>	1		2	3,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện động cơ-207707

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD305 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154113	LÊ ĐẠI	NGHĨA	DH120T	1		2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12154070	VŨ HỮU	NGHĨA	DH120T	2		2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154138	MAI THÀNH	NHÂN	DH120T	1		2	2,4	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12154152	NGUYỄN TẤN	PHÁT	DH120T	2		2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154122	NGUYỄN XUÂN	PHONG	DH120T	2		2	6,8	8,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12115150	PHẠM CÔNG	PHÚ	DH120T	1		2	3,2	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12154194	NGUYỄN HỮU	PHÚC	DH120T	1		2	6	8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12154163	ĐÀO THANH	PHƯỚC	DH120T	1		2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12154090	TRẦN HỮU	PHƯƠNG	DH120T	2		2	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12154167	NGUYỄN VĂN	QUẢ	DH120T	1		2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12154247	NGUYỄN CHÁNH	QUANG	DH120T	1		1,5	1,2	2,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12154164	TRẦN XUÂN	QUANG	DH120T	1		1,5	2,4	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12154008	NGUYỄN CHỨC	QUYỄN	DH120T	1		1,5	2,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12154206	PHẠM HÙNG	QUYỄN	DH120T	1		1,5	2,4	3,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

LÊ QUANG HIỀN

U Quang Tri

Nguyễn Đình

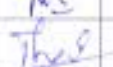
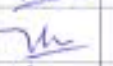
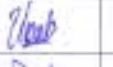
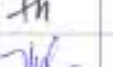
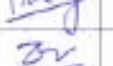
Bùi Công Hành

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện động cơ-207707

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12154089	NGUYỄN VĂN SANG	DH120T				1,5	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12154109	TRẦN QUỐC SƠN	DH120T				1,5	4	1,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12154132	NGUYỄN MINH TÂN	DH120T				1,5	4	1,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12154133	NGUYỄN MINH TÂN	DH120T				1,5	1,6	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12154134	PHAN DUY THANH	DH120T				2	6,4	8,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11154058	LÊ VĂN THÀNH	DH110T				1,5	4	5,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12154180	NGUYỄN VĂN THÀNH	DH120T				2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12154179	TRẦN TRUNG THÀNH	DH120T				2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11154019	TRƯƠNG HỮU THIỆN	DH110T				1,5	2,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	12154186	LÊ QUÝ THIỆU	DH120T				1,5	3,2	4,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12154187	NGUYỄN QUỐC THỊNH	DH120T				1,5	2,8	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	10154045	VŨ CÔNG THUẬN	DH100T				1,5	1,6	3,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12154192	TRẦN VĂN TIỀN	DH120T				2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12154197	TRẦN NGỌC TOÀN	DH120T				2	4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12154199	NGUYỄN THANH TÔNG	DH120T				2	3,6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12154018	NGUYỄN VĂN TRANG	DH120T				2	4	6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12154043	DƯƠNG NHẬT TRƯỜNG	DH120T				2	3,6	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	12154124	TRƯƠNG THANH TRƯỜNG	DH120T				1,5	2	3,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Hệ thống điện động cơ-207707

Ngày Thi : 23/06/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12154154	KIM THANH TUẤN	DH120T				2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11154061	NGUYỄN ANH TUẤN	DH110T					V	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12154158	NGUYỄN VŨ VÂN	DH120T				2	5,6	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11154053	HUỖNH THANH TÙNG	DH110T				2	4,4	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12154011	LÊ PHÚ TÙNG	DH120T				2	4,8	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12154013	LÝ KIM XÀI	DH120T				2	5,2	7,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Phan Minh Thìn

Trần Văn Đức

Đặng Tuấn Dũng

Bùi Công Khắc